

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH GIANG
TỈNH HẢI DƯƠNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 14/2023/HNGĐ-ST
Ngày 27-8-2023
“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH GIANG, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cường.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hải và ông Đào Xuân Điền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Hiếu - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện bình Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 41/2023/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2023 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị L, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Thôn H, xã N, huyện B, tỉnh Hải Dương.

Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Vũ Kim T (Tên gọi khác: C), sinh năm 1975.

Địa chỉ: Thôn H, xã N, huyện B, tỉnh Hải Dương.

Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, nguyên đơn là chị Lê Thị L trình bày:

Chị và anh Vũ Kim T được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện B, tỉnh Hải Dương vào năm 1999. Sau khi kết hôn vợ chồng ở chung cùng gia đình chồng tại thôn H, xã N.

Trong quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được vài năm đầu cho đến năm 2008 thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính cách không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Vợ chồng không có sự tin tưởng lẫn nhau, vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm, to tiếng với nhau làm ảnh hưởng đến cuộc sống gia đình, ảnh hưởng đến tâm lý của các con, chị có bị cảm, bị ốm thì anh T cũng không quan tâm, chăm sóc. Vì thương con nên chị đã nhẫn nhịn chịu đựng suốt nhiều năm nay. Anh T đã đuổi chị và chị cũng đã hai lần bỏ về gia đình bên ngoại sau đó anh T sang xin lỗi nên lại quay về. Nhưng khi chị về thì anh T lại vẫn không quan tâm đến chị. Trong suốt những năm từ 2013 đến nay, anh T không coi chị như một người vợ mà coi chị như một người dung, không hề quan tâm chia sẻ với chị trong cuộc sống, sau khi xây nhà vợ chồng còn phải chịu một khoản nợ nhưng anh không cùng chị lo toan mà toàn bộ nợ nần chị phải nhờ đăng ngoại, đến khi vợ chồng mâu thuẫn anh T tuyên bố là “tao có đánh chết thì mày cũng không dám rời cái nhà này”. Vì thương các con nên chị vẫn nhẫn nhịn ở chung cùng anh T. Mặc dù anh chị vẫn ở chung nhà nhưng từ năm 2013 đến nay đã ly thân, không ăn chung, ngủ chung với nhau, độc lập về kinh tế. Hai bên gia đình có việc hiếu, việc hỷ thì cả hai cũng không qua lại tham gia, thăm hỏi nữa. Trong cuộc sống gia đình chị không có niềm vui, hạnh phúc, chị chỉ lấy các con làm niềm an ủi để tiếp tục duy trì cuộc sống gia đình. Vài năm trước chị cũng đã có ý định ly hôn, tuy nhiên con trai lớn của chị học cấp 3, sau đó lại đi nghĩa vụ quân sự còn cháu chắt hai thì chuẩn bị thi vào cấp 3 nên chị không muốn làm ảnh hưởng đến tâm lý của con nên chị lại không nộp đơn ly hôn nữa. Các con chị đều chứng kiến cảnh bố mẹ xảy ra mâu thuẫn, lạnh nhạt với nhau, không còn coi như vợ chồng mà chỉ như người dung, nay các cháu đã lớn và đã hiểu và thông cảm được cho chị, thậm chí con trai chị còn bảo bố mẹ lẽ ra phải ly hôn từ lâu rồi. Năm 2021, chị đã làm đơn ly hôn và Tòa án nhân dân huyện Bình Giang thụ lý, giải quyết và khuyên giải, chị đã nghe theo rút đơn khởi kiện để vợ chồng đoàn tụ, tạo cơ hội cho con cái. Tuy nhiên, sau khi chị rút đơn khởi kiện thì cuộc sống tình cảm giữa chị và anh T không thay đổi, vẫn lạnh nhạt và không có tình cảm, hỏi han, chăm sóc gì nhau. Nay, chị xác định chị và anh T không còn tình cảm với nhau, cuộc sống chung không có hạnh phúc, đã sống ly thân hơn 10 năm nay không còn coi nhau như vợ chồng nên chị làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung: Vợ chồng chị có hai con chung là Vũ Kim T1, sinh ngày 13/8/2000 (đã trưởng thành) và Vũ Thị N, sinh ngày 24/7/2006. Khi ly hôn đối với cháu T1 đã trưởng thành nên chị không yêu cầu xem xét, đối với cháu N, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng và tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay chị đang làm công nhân tại công ty G có địa chỉ ở xã B, thu nhập trung bình hàng tháng từ 6 – 7 triệu đồng/tháng và vẫn ở chung nhà với anh T, nếu sau khi ly hôn và được nuôi dưỡng cháu N thì chị sẽ bố trí chỗ ở khác để mẹ con sinh sống, chị cam đoan có đủ điều kiện để nuôi dưỡng con trưởng thành.

Về tài sản chung, chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Vũ Kim T (Chúc) trình bày quan điểm:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Lê Thị L kết hôn tự nguyện vào năm 1999. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống cùng với bố mẹ đẻ của anh. Anh xác định vợ chồng có mâu thuẫn, nhưng không lớn và đều khắc phục được. Tuy nhiên, đến năm 2012 vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn vì chị L không chung thủy, có quan hệ tình cảm với người khác. Anh đã chấp nhận bỏ qua, chỉ vì con cái, nhưng vợ chồng không còn chia sẻ tình cảm với nhau, không ăn chung, ngủ chung, độc lập về kinh tế. Sau lần chị L làm đơn yêu cầu giải quyết ly hôn rồi lại rút đơn để đoàn tụ, nhưng chị L không thay đổi, vẫn duy trì quan hệ tình cảm với người khác, lạnh nhạt, không quan tâm đến anh, chị đi đâu làm gì, anh đều không biết. Tuy nhiên, nay chị L đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, anh không đồng ý vì không muốn các con phải chịu cảnh bố mẹ chia tay.

Về con chung: Anh xác định có 2 con chung với chị L như chị L trình bày. Trường hợp chị L cương quyết ly hôn, anh xin được nuôi dưỡng con chung Vũ Thị N và không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung. Anh làm thuê cho cửa hàng bán vật liệu xây dựng, thu nhập bình quân khoảng 6-7 triệu đồng/tháng, có nhà ở riêng. Anh không đồng ý cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng con chung vì chị L không đang hoàng, không đủ khả năng nuôi dạy con, nếu giao chị L nuôi con sẽ dễ hư hỏng.

Về tài sản chung: Anh T không yêu cầu giải quyết.

Con chung chưa thành niên của chị L và anh T là cháu Vũ Thị N khai: Cháu chứng kiến bố mẹ cháu mâu thuẫn từ nhiều năm, trước đây thì thường xuyên cãi nhau to tiếng, những năm gần đây thì lạnh nhạt với nhau. Bố mẹ ở chung nhà nhưng không ăn chung, ngủ chung, không nói chuyện với nhau và không có hạnh phúc. Bố cháu coi mẹ cháu như người người. Mặc dù không mong muốn bố mẹ ly hôn, nhưng cháu hiểu và thông cảm với cuộc sống của mẹ nên với việc mẹ cháu xin ly hôn, cháu ủng hộ. Trong trường hợp bố mẹ ly hôn, cháu có nguyện vọng được mẹ trực tiếp nuôi dưỡng.

Tòa án đã xác minh tại gia đình anh Vũ Kim T. Bà Phạm Thị T2, 89 tuổi, làm mẹ đẻ của anh T cho biết: Trong cuộc sống, do chị L không chung thủy với anh T, dẫn đến anh chị mâu thuẫn âm ỉ nhiều năm, không còn tình cảm với nhau. Mặc dù chung nhà, nhưng không ăn chung, ngủ chung, độc lập về kinh tế. Mặc dù đã ra Tòa án để giải quyết ly hôn, được hòa giải về đoàn tụ, nhưng anh chị vẫn không khắc phục được mâu thuẫn. Theo bà, anh chị khó có thể duy trì quan hệ hôn nhân, đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu ly hôn của chị L theo quy định.

Tòa án xác minh tại chính quyền địa phương nơi chị L, anh T sinh sống, được cung cấp: Quá trình chung sống, chị L và anh T xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do thiếu tin tưởng lẫn nhau, anh T nghi ngờ chị L có quan hệ tình cảm với người khác, không chung thủy. Dư luận địa phương có bàn tán chuyện vào thời điểm anh chị xây nhà, người vợ của chủ cai thầu xây nhà đến gặp chị L để đánh ghen. Trước đây, anh chị xảy ra to tiếng, xô xát, còn gần đây thì lạnh nhạt tình cảm. Theo phản ánh từ chính anh chị thì địa phương nắm bắt anh chị tuy sống cùng

nhà, nhưng không ăn chung, ngủ chung. Chị L đã từng làm đơn ly hôn, nhưng rồi rút đơn để đoàn tụ, nhưng từ góc nhìn của chính quyền địa phương, anh chị vẫn không khắc phục được mâu thuẫn.

Về con chung: Anh chị có 2 con chung: Cháu Vũ Kim T1 đã trưởng thành, cháu Vũ Thị N, sinh năm 2006, đang học lớp 12. Việc giải quyết nuôi con khi ly hôn thì Tòa án quyết định. Vợ chồng anh T, chị L đều là người hiền lành, chịu khó làm ăn, có thu nhập ở mức trung bình.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký Tòa án đã tuân thủ quy định của pháp luật trong thụ lý vụ án, xây dựng hồ sơ, đưa vụ án ra xét xử và các hoạt động tố tụng khác. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của pháp luật trong điều hành phiên tòa; nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn vắng mặt không lý do là chưa chấp hành đúng pháp luật.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị L ly hôn anh Vũ Kim T (Chúc).

Về con chung: Giao cho chị Lê Thị L trực tiếp nuôi con chung là Vũ Thị N (sinh ngày 24/7/2006), cho đến khi con đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

Về án phí: Chị Lê Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] **Về tố tụng:** Nguyên đơn vắng mặt và có đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn được triệu tập hợp lệ, vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không vì lý do bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên, bị đơn.

[2] **Về yêu cầu ly hôn:** Lời khai của chị Lê Thị L phù hợp với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được kiểm tra tại phiên tòa nên có đủ cơ sở kết luận: Chị Lê Thị L và anh Vũ Kim T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định, nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Trong cuộc sống chung vợ chồng đã nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T nghi ngờ chị L không chung thủy dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau, thậm chí có xô xát. Tuy chung sống cùng nhà, nhưng vợ chồng không ăn chung, ngủ chung, kinh tế độc lập và không quan tâm đến nhau về tình cảm. Chị L xác định đã chịu đựng nhiều năm cuộc sống chung không hạnh phúc chỉ vì thương con còn nhỏ. Năm 2021, chị đã khởi kiện ly hôn, nhưng được sự động viên hòa giải của

Tòa án, chị đã rút đơn khởi kiện để vợ chồng thêm cơ hội đoàn tụ, Tòa án đình chỉ vụ án. Tuy nhiên, sau đó quan hệ tình cảm của anh chị không có gì thay đổi, vợ chồng vẫn thường xuyên mâu thuẫn, thời gian trước thì xảy ra cãi nhau to tiếng, sau đó thì lạnh nhạt. Quá trình Tòa án hòa giải, anh T bày tỏ quan điểm cương quyết không đến Tòa án làm việc, hòa giải. Anh không đồng ý ly hôn, lý do anh nêu ra vì con còn nhỏ, anh không muốn con sống trong tình trạng bố mẹ ly tán, như vậy, thực chất anh cũng không còn tình cảm vợ chồng với chị L.

Hội đồng xét xử nhận thấy tình trạng mâu thuẫn vợ chồng chị L đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần xử cho chị L được ly hôn anh T là phù hợp quy định của Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] **Về việc nuôi con chung:** Chị L và anh T có 02 con chung trong đó có 01 con đã trưởng thành nên không phải xem xét giải quyết việc nuôi dưỡng; còn 01 con chưa thành niên là cháu Vũ Thị N. Mặc dù anh T cũng có nguyện vọng được nuôi con chung và cho rằng chị N có tư cách không đáng hoàng, tuy nhiên, anh không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh quan điểm của mình, mặt khác kết quả xác minh tại địa phương xác định chị L là người hiền lành, chịu khó làm ăn, có thu nhập; bản thân cháu N đã gần đủ 18 tuổi cũng đã thể hiện quan điểm cảm thông, đồng tình với chị L, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận quan điểm nêu trên của anh T. Xét thấy nguyện vọng nuôi con chung của chị L hoàn toàn phù hợp với nguyện vọng của cháu N được mẹ trực tiếp nuôi dưỡng, chị L cũng đủ khả năng, điều kiện nuôi dưỡng con chung nên Hội đồng xét xử giao con chung Vũ Thị N cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng là đảm bảo sự phát triển toàn diện của con chung. Chị L tự nguyện không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con, phù hợp với khả năng, điều kiện nuôi con của chị nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung.

[4] **Về tài sản chung:** Do các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5]. **Về án phí:** Chị L là nguyên đơn, phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị L, xử cho chị Lê Thị L ly hôn anh Vũ Kim T (Chúc).

2. Về con chung: Giao cho chị Lê Thị L trực tiếp nuôi con chung là Vũ Thị N (sinh ngày 24/7/2006) cho đến khi con đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

3. Về án phí: Chị Lê Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Giang, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/002307 ngày 15/3/2023. Chị L đã nộp đủ án phí.

4. Chị Lê Thị L, anh Vũ Kim T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được thông đạt bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Bình Giang;
- Chi cục THADS huyện Bình Giang;
- UBND xã Nhân Quyền;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Văn Cường